

Số: 3711 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định
nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện
dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội
dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ
người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp
từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ,
trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất
cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 220/TTr-LĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025 (photo Nghị quyết đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh nội dung xây dựng, thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025. Đồng thời, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh để báo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT. UBNDTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa Xã hội - HĐND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTNS, CTTĐT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2022/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục
thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung
thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người
lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu
quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, định mức hỗ
trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát
triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025; Báo
cáo thẩm tra của Ban văn hóa Xã hội - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ nghèo có ít nhất một thành viên có khả năng lao động; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); người khuyết tật có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, quay vòng vốn từ nguồn ngân sách, vốn đối ứng của các hộ dân tham gia dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ

a) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

b) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

c) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

d) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

đ) Xây dựng, quản lý dự án.

2. Mức hỗ trợ, quay vòng vốn từ nguồn ngân sách

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với dự án tối đa 60% tổng chi phí thực hiện 01 (một) dự án, trong đó:

- Mức hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này tối thiểu 85% tổng chi phí hỗ trợ thực hiện dự án.

- Mức hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này theo thực tế nhưng tối đa 15% tổng chi phí hỗ trợ thực hiện dự án.

b) Việc quay vòng vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

3. Tỷ lệ vốn đối ứng của các hộ dân tham gia dự án tối thiểu 40% tổng chi phí thực hiện 01 (một) dự án. Đối ứng của hộ dân thông qua ngày công lao động, vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi đáp ứng nội dung dự án.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ, hồ sơ dự án; trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Các đối tượng tham gia dự án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 nghị quyết này phải được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực.

b) Các đối tượng tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

2. Hồ sơ dự án; trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, hướng dẫn mức hỗ trợ cụ thể thực hiện 01 (một) dự án, định kỳ hằng năm có đánh giá và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Vụ Pháp chế các Bộ: LĐTB&XH, Tài chính, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐ.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo